

Số: 199 /BC-ĐGS

Dầu Tiếng, ngày 03 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả giám sát công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân huyện giám sát công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng.

Trên cơ sở kết quả giám sát, Đoàn giám sát HĐND huyện báo cáo kết quả giám sát công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, cụ thể như sau:

A. VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

Đoàn giám sát đã tổ chức giám sát công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng đảm bảo đúng quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, đúng đối tượng, phạm vi, nội dung theo Kế hoạch giám sát.

Đoàn giám sát đã làm việc trực tiếp với UBND xã Long Tân, thị trấn Dầu Tiếng; Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện; Ban Quản lý di tích huyện và UBND huyện Dầu Tiếng. Đối với Phòng Nội vụ, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; UBND xã Minh Hòa, Thanh

Tuyền, An Lập, Định Hiệp, Định Thành, Định An, Minh Tân, Minh Thạnh, Thanh An, Long Hòa; Đoàn giám sát thực hiện giám sát thông qua Báo cáo gửi về Đoàn.

Phạm vi giám sát: Công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng. Mốc thời gian từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2023.

Đối tượng giám sát: UBND các xã, thị trấn; Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện; Ban Quản lý di tích huyện, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và UBND huyện Dầu Tiếng.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

I. THỰC TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1. Cấp huyện

Năm 2021: Biên chế giao cơ quan hành chính 86, biên chế có mặt 80; Biên chế giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện 59; biên chế có mặt 56; biên chế giao sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo 1.460, biên chế có mặt 1.297.

Năm 2022: Biên chế giao cơ quan hành chính 86, biên chế có mặt 86; Biên chế giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện 87; biên chế có mặt 51; biên chế giao sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo 1.479, biên chế có mặt 1.244.

Năm 2023: Biên chế giao cơ quan hành chính 86, biên chế có mặt 84; Biên chế giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện 87; biên chế có mặt 79; biên chế giao sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo 1.469, biên chế có mặt 1.239.

2. Cấp xã

Trên địa bàn huyện có 12 xã, thị trấn. Trong đó có 11 xã loại I (gồm thị trấn Dầu Tiếng, xã Thanh An, xã Thanh Tuyền, xã An Lập, xã Định An, xã Long Tân, xã Long Hòa, xã Minh Hòa, xã Minh Thạnh, xã Minh Tân, xã Định Hiệp) và 01 xã loại II (xã Định Thành).

Xã loại 1 được giao 22 cán bộ, công chức và 14 người hoạt động không chuyên trách; xã loại 2 được giao 20 cán bộ, công chức và 12 người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

Theo phân loại xã tổng số lượng CBCC được giao là 262; người hoạt động không chuyên trách (NHĐKCT) là 166; số lượng CBCC được tăng thêm theo Nghị định số 33/2023/NĐ-NP do tăng quy mô dân số và diện tích được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND, CBCC là 14; NHĐKCT là 14. Như vậy tổng số lượng CBCC được giao năm 2023 là 276; NHĐKCT là 180.

Nhìn chung, được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc phân bổ biên chế và số lượng người làm việc hàng năm đảm bảo đủ số lượng người làm việc. Trên cơ sở số lượng được Sở Nội vụ giao, Ủy ban nhân dân huyện phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện cơ bản đảm bảo đủ số biên chế theo vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo

Công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tình hình tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được UBND huyện, ngành chuyên môn và các xã, thị trấn quan tâm tổ chức thực hiện; đã tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản có liên quan đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về tình hình giao, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

Kết quả tuyên truyền, triển khai các văn bản cho thấy, 100% cơ quan, đơn vị và các địa phương trong huyện đã nghiêm túc tổ chức thực hiện, bằng nhiều hình thức như tổ chức hội nghị, phổ biến tại các buổi sinh hoạt chi bộ, họp cơ quan... thông qua Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thanh huyện, Đài truyền thanh các xã, thị trấn, Trang thông tin điện tử huyện đã có những chuyên đề tuyên truyền về chủ trương, chính sách trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện, tạo được sự lan tỏa, đồng thuận và thống nhất cao của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

2. Việc ban hành các văn bản thực hiện của cơ quan, đơn vị

UBND huyện luôn quan tâm tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập bằng các văn bản chỉ đạo¹.

3. Công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế của cơ quan, đơn vị

UBND huyện thực hiện việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế phải bảo đảm thực hiện theo đúng Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi

¹ - Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023 -2025 trên địa bàn huyện Dầu Tiếng.

- Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 07/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương năm học 2021-2022.

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 04/8/2022 về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương năm học 2022-2023.

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương năm học 2023 – 2024.

mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Đề án 02-ĐA/HU, ngày 19/9/2018 của Ban thường vụ Huyện ủy về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện Dầu Tiếng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Chương trình số 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/7/2023 của Tỉnh ủy Bình Dương về việc tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các chế độ, chính sách trong thời gian tới; từ năm 2021 đến năm 2023 đã đạt được một số kết quả như sau:

- **Cơ quan hành chính không thực hiện việc sáp nhập:** Gồm 12 cơ quan thuộc UBND huyện.

- **Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc sáp nhập:** Từ năm 2021-2023 không thực hiện sáp nhập. Hiện nay trên địa bàn huyện có 05 ĐVSNCL (thành lập mới 02 ĐVSNCL: Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Nhà Thiếu nhi) và Kho lưu trữ, Tổ Quản trang.

- **Các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo:** Từ 47 đơn vị còn 40 đơn vị (sáp nhập, thu gọn đầu mối được 07 đơn vị trường: Trường Mầm Hoa Sen sáp nhập vào Trường Mầm non Long Tân; Trường Mầm non Định Phước sáp nhập vào Trường Mầm non Định Hiệp; Trường Mầm non Long Hòa sáp nhập vào Trường Mầm non Hòa Mi; Trường Tiểu học Ván Hương sáp nhập vào Trường Tiểu học An Lập; Trường THCS Minh Hòa sáp nhập vào Trường THPT Phan Bội Châu; Trường MN Tuổi Thơ vào Trường MN Định An, Trường MN Hướng Dương vào MG Minh Tân).

- **Các ĐVSN tư chủ:** gồm 04 đơn vị, hiện nay đang xây dựng đề án hợp nhất TTPTQĐ vào BQLĐAĐTXD huyện.

- **UBND các xã, thị trấn:** gồm 11 xã, 01 thị trấn.

- **Số lượng lãnh đạo, quản lý:**

+ Cấp huyện: Năm 2021: 47, năm 2022: 52, năm 2023: 52.

+ Cấp xã: Năm 2021: 68, năm 2022: 73, năm 2023: 73.

4. Căn cứ pháp lý áp dụng để tuyển dụng, giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng: Có phụ lục 1 kèm theo.

5. Quyết định giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng

5.1. Cấp huyện

Ủy ban nhân dân huyện ban hành 21 Quyết định giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện: *Có phụ lục 2 kèm theo.*

5.2. Cấp xã

Năm 2021, 2022: Biên chế các xã, thị trấn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Xã Loại I được bố trí tối đa 23 cán bộ, công chức và 14 người hoạt động không chuyên trách; xã loại II được bố trí tối đa 21 cán bộ, công chức và 12 người hoạt động không chuyên trách.

Năm 2023: Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 về việc phân bổ số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn huyện Dầu Tiếng năm 2023.

6. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng

6.1. Cấp huyện: *Có phụ lục 3 kèm theo.*

6.2. Cấp xã

Ngày 24/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP quy định xã loại I được bố trí không quá 23 cán bộ công chức và 14 người hoạt động không chuyên trách; xã loại II được bố trí không quá 21 cán bộ, công chức và 12 người hoạt động không chuyên trách.

Trên cơ sở đó trong năm 2021, năm 2022 và tháng 01 đến tháng 7 năm 2023 các xã, thị trấn thực hiện số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách theo định biên quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ, từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương đảm bảo đúng số lượng quy định.

Cụ thể, số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách các xã, thị trấn như sau:

- Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2021: Tổng số CBCC: 235, NHĐKCT: 161; năm 2022: Tổng số CBCC: 251, NHĐKCT: 165; năm 2023: Tổng số CBCC: 243, NHĐKCT: 154 (Có phụ lục 4 kèm theo).

6.3. Thực hiện tinh giản biên chế

Năm 2021: 39 trường hợp, cụ thể như sau:

+ Đợt 1 năm 2021: 03 trường hợp, gồm:

Giải quyết hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 02 trường hợp (cấp xã).

Giải quyết hưởng chính sách thôi việc ngay theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 01 trường hợp (cấp xã).

+ Đợt 2 năm 2021: 36 trường hợp, gồm:

Giải quyết hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 36 trường hợp (khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo).

Năm 2022: 12 trường hợp, cụ thể như sau:

+ Quý I năm 2022: 0 trường hợp.

+ Quý II năm 2022: 0 trường hợp.

+ Quý III năm 2022: 04 trường hợp, gồm:

Giải quyết hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 04 trường hợp (khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo).

+ Quý IV năm 2022: 08 trường hợp, gồm:

Giải quyết hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 07 trường hợp (khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo).

Giải quyết hưởng chính sách thôi việc ngay theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 01 trường hợp (khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo).

Năm 2023: 05 trường hợp, cụ thể như sau:

+ Quý I năm 2023: 01 trường hợp.

Giải quyết hưởng chính sách thôi việc ngay theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ: 01 trường hợp (cấp xã).

+ Quý II năm 2023: 0 trường hợp.

+ Quý III năm 2023: 0 trường hợp.

+ Quý IV năm 2023: 04 trường hợp, gồm:

Giải quyết hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ: 03 trường hợp (khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo).

Giải quyết hưởng chính sách thôi việc ngay theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ: 01 trường hợp (khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo).

6.4. Về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Hiện nay, đội ngũ CBCCVC toàn huyện về cơ bản đã đạt chuẩn theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp theo quy định; tinh thần phục vụ, đạo đức công vụ, các kỹ năng nghiệp vụ, giao tiếp, ứng xử của CBCCVC được cải thiện, từng bước đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng Kế hoạch, nội dung chương trình và theo vị trí việc làm, nhờ đó đội ngũ CBCCVC từng bước được trang bị, nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực quản lý, điều hành và thực thi công vụ. Trong giai đoạn 2021-2023, UBND huyện không có trường hợp nào cử đi đào tạo trình độ chuyên môn.

Vị trí việc làm, cơ cấu ngạch: Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Hướng dẫn số 03/HD-SNV ngày 21/6/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc xây dựng, thẩm định đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương; UBND huyện xây dựng Đề án số 60/ĐA-UBND ngày 25/10/2023 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng; Đề án số 61/ĐA-UBND ngày 31/10/2023 về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch viên chức đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng.

7. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm

Thực hiện Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP; Công văn số 1655/SNV-CCVC ngày 08/11/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ,

công chức, viên chức năm 2021; Công văn số 2060/SNV-CCVC ngày 28/11/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Bình Dương năm 2022; Công văn số 2101/SNV-CCVC ngày 22/11/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn một số nội dung về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Bình Dương năm 2023 (Có phụ lục 5 kèm theo).

8. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND huyện đã ban hành: Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 30/12/2020 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách năm 2021; Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức huyện Dầu Tiếng giai đoạn 2021-2025; Công văn số 270/UBND-NC ngày 26/02/2021 về việc thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thực tế của địa phương; Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 23/12/2021 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn huyện Dầu Tiếng năm 2022; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 14/12/2022 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn huyện Dầu Tiếng năm 2023

Từ tháng 01/01/2021 đến 31/12/2023 thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Các cơ quan, đơn vị tham gia đầy đủ lớp đào tạo, bồi dưỡng đạt 100% so với Kế hoạch đăng ký hằng năm.

(Có phụ lục 6 kèm theo)

9. Công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức: UBND huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, trong đó có kiểm tra nội dung về công tác cán bộ. Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo đúng các quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức.

C. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NỔI LÊN QUA KẾT QUẢ GIÁM SÁT TRỰC TIẾP TẠI UBND XÃ LONG TÂN, THỊ TRẤN DẦU TIẾNG; PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP HUYỆN; TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH HUYỆN; BAN QUẢN LÝ DI TÍCH HUYỆN

1. Đối với 02 đơn vị cấp xã

1.1. Đối với xã Long Tân

- Việc luân chuyển cán bộ ở các vị trí như: Tài chính – Kế toán, Địa chính - Môi trường còn gặp khó khăn do những vị trí này đòi hỏi phải có nghiệp vụ, kỹ năng và kinh nghiệm mới đảm bảo việc tham mưu, giải quyết công việc. Tuy nhiên, theo quy định phải thực hiện luân chuyển khi đạt thời gian công tác. Khi

tuyển, tiếp nhận người mới thì phải nghiên cứu, tiếp cận lại từ đầu, năng lực tham mưu thời gian đầu sẽ hạn chế.

- Việc tuyển dụng công chức, người hoạt động không chuyên trách chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin nhiều năm qua không tuyển được do ứng viên có nhu cầu trả lương cao, trong khi Nhà nước chỉ trả lương theo quy định. Do đó, gây khó khăn trong công tác quản lý, xử lý nghiệp vụ công nghệ thông tin, tin học cho địa phương.

1.2. Đối với thị trấn Dầu Tiếng

- Việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức gặp một số khó khăn do chuyên môn đào tạo không phù hợp với Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh Bình Dương (Nay là Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương).

- Thị trấn Dầu Tiếng là đơn vị thí điểm trong thực hiện Nghị quyết số 18 và Đề án số 711 về sắp xếp tinh gọn bộ máy hành chính tỉnh Bình Dương, tại thời điểm thực hiện UBND thị trấn Dầu Tiếng có 45 biên chế, sau khi thực hiện còn 33 biên chế. Đến năm 2023, thực hiện theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2023, UBND thị trấn Dầu Tiếng được giao biên chế là 42 biên chế, hiện nay, UBND thị trấn Dầu Tiếng có 31/42 biên chế.

2. Đối với 04 đơn vị là phòng, đơn vị sự nghiệp huyện

2.1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tuy được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát thường xuyên của Huyện ủy, UBND huyện nhưng trong thời gian qua, công tác tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục luôn gặp nhiều khó khăn, nhu cầu tuyển dụng cao (tập trung ở cấp học Mầm non) nhưng số lượng hồ sơ đăng ký dự thi ít.

Công tác sáp nhập trường theo Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện Dầu Tiếng, lộ trình thực hiện theo giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025 là sáp nhập 12 trường thành 06 trường cũng gặp nhiều khó khăn vì đặc thù của địa phương là khoảng cách đi lại giữa các trường khá xa như MN Tuổi Thơ và MN Định An là 7 km (thực hiện sáp nhập năm 2023), TH Định An và THCS Định An là 4km (thực hiện sáp nhập năm 2024) và các trụ sở của các trường này riêng biệt, được trang bị lâu hóa, khang trang,.. và sau khi sáp nhập chỉ giảm được đội ngũ CBQL, kế toán (khoảng 2 – 3 người).

2.2. Đối với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

Hiện tại đơn vị có 22 viên chức (Trong đó có 12 viên chức được tăng cường về các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; 02 viên chức mới trúng tuyển nên chưa bố trí) còn lại làm việc tại đơn vị là 08 viên chức.

Viên chức chuyên môn về khuyến nông (lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản) hiện có 01 viên chức, có 02 viên chức chuyên môn trồng trọt được trung tập công tác tại đơn vị khác. Vì vậy viên chức phụ trách về chuyên môn cũng còn hạn chế.

Đối với những viên chức được trung dụng, trung tập hỗ trợ hoạt động chuyên môn cho các đơn vị khác hiện nay đang sinh hoạt Đảng tại đơn vị được trung dụng, trung tập, sinh hoạt Công đoàn tại Công đoàn cơ sở Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện. Do đó, để triệu tập toàn bộ viên chức về sinh hoạt, tham gia các hoạt động phong trào Công đoàn còn gặp nhiều khó khăn. Việc lập dự toán, cử đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho những viên chức được trung dụng, trung tập không được chủ động. Bên cạnh đó, việc đánh giá, xếp loại kiểm điểm cuối năm đều được đánh giá dựa trên đánh giá của đơn vị trung dụng, trung tập gửi về đơn vị, đơn vị chỉ làm thủ tục ký xác nhận.

Viên chức làm việc thực tại Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện là 08 nhưng sản phẩm, kết quả công việc mang lại chưa tương xứng so với một số phòng, ban, ngành huyện.

2.3. Đối với Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện

- Việc luân chuyển viên chức ở vị trí Kế toán trong Đơn vị còn gặp khó khăn.

- Hợp đồng thực hiện công tác bảo vệ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ còn thiếu, trong khi Đơn vị hiện nay có 02 trụ sở, diện tích, tài sản quản lý lớn.

2.4. Đối với Ban Quản lý di tích huyện

Quản lý, sử dụng di tích vẫn còn nhiều khó khăn, do Huyện có di tích được công nhận nhiều nhất trên địa bàn tỉnh, số lượng con người làm việc tại các di tích tùy theo tình hình kinh phí tại đơn vị, vì thế các di tích cấp tỉnh (10 di tích) Ban chưa đủ khả năng thực hiện hợp đồng vùng miền mà hiện nay đa số thực hiện hợp đồng khoán công việc. Bên cạnh những khó khăn về nguồn nhân lực trong quản lý hoạt động thì kinh phí để tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích cũng là bài toán đòi hỏi những giải pháp khắc phục hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững giá trị di sản. Kinh phí trả lương, các khoản đóng góp theo lương, hoạt động, chăm sóc, sửa chữa nhỏ các di tích,... từ nguồn thu của Khu Du lịch sinh thái Núi Cụt Dầu Tiếng nhưng Ban lại không trực tiếp thu mà hợp đồng với UBND xã Định Thành thu.

D. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NỔI LÊN QUA KẾT QUẢ GIÁM SÁT GIÁN TIẾP THÔNG QUA BÁO CÁO ĐỐI VỚI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN, TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN

1. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện

- Theo Công văn số 772/UBND-NC ngày 12/05/2023 của UBND huyện: Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động làm chuyên môn, nhân viên của Ban năm 2023 là 38 người (Cụ thể: Số lượng người làm việc 09 biên chế, hợp đồng làm công tác chuyên môn, nhân viên 29 hợp đồng).

- + Số lượng biên chế viên chức hiện có: 8 viên chức.
- + Số lượng hợp đồng hiện có là: 29 hợp đồng.
- Theo Công văn số 900/UBND-NC ngày 25/4/2024 của UBND huyện: Tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động làm chuyên môn, nhân viên trong đơn vị sự nghiệp tự chủ năm 2024; cụ thể (Số lượng người làm việc 08 biên chế viên chức, hợp đồng làm công tác chuyên môn do Giám đốc quyết định).
- + Số lượng biên chế viên chức hiện có: 8 viên chức.
- + Số lượng hợp đồng hiện có là: 28 hợp đồng.

Hiện nay công trình, nguồn vốn được giao quản lý ít nên kinh phí chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương cho số lượng con người khoảng 36 người cũng là một vấn đề đặt ra đối với đơn vị.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện

Số người làm việc tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tính đến ngày 31/12/2023 là: 11 người, gồm:

- Lãnh đạo, quản lý: 02 Phó Giám đốc;
- Hành chính, tổng hợp: 04 người;
- Bồi thường Giải phóng mặt bằng: 05 người.

Số người làm việc tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện hiện nay là: 08 người, gồm:

- Lãnh đạo, quản lý: 02 Phó Giám đốc;
- Viên chức: 02 người;
- Hợp đồng: 04 người.

Biên chế, hợp đồng lao động của Trung tâm chưa ổn định, đang trong quá trình hoàn thiện về bộ máy tổ chức, vẫn còn tình trạng hợp đồng lao động trong khi chờ tuyển dụng của đơn vị.

E. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Qua giám sát, Đoàn giám sát của HĐND huyện nhận thấy bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là chủ trương đúng đắn. Tuy nhiên, sẽ là một áp lực rất lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị, địa phương. Do trong giai đoạn hiện nay, khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng nhiều, nhiều lĩnh vực tăng thêm nhiệm vụ mới, chất lượng công việc ngày một nâng cao để đáp ứng yêu cầu của công tác CCHC, chuyển đổi số; một số cơ quan tăng chức năng,

nhiệm vụ hoặc tính chất, nội dung công việc phức tạp hơn nhưng không còn biên chế để bổ sung.

- Số lượng các đơn vị sự nghiệp giáo dục đã giảm nhưng số lượng ĐVSNCL tăng 02.

- Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hiện nay còn chưa thật sự phản ánh sát thực chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Một vài người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố có trình độ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, tuổi cao. Cán bộ chi hội ở ấp thường xuyên thay đổi dẫn đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ chưa cao.

- Chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách được cải thiện nhưng vẫn chưa cân xứng với tốc độ phát triển và nhiệm vụ phát sinh hiện nay.

- Một số chức danh công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu, chưa tuyển dụng được kịp thời.

- Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021) còn khó khăn².

- Việc giao kinh phí cho hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ chưa đảm bảo chi trả trả lương, các khoản theo lương theo vùng, quy định hiện nay và kinh phí hoạt động, đặc biệt là những hợp đồng lâu năm³.

F. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả giám sát, Đoàn giám sát HĐND huyện kiến nghị:

1. Kiến nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh Bình Dương xem xét việc giao kinh phí hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ để đảm bảo chi trả trả lương, các khoản theo lương theo vùng, quy định hiện nay và kinh phí hoạt động, đặc biệt là những hợp đồng lâu năm (Điều chỉnh tăng thêm kinh phí tại Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương).

² Đối với một số vị trí công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác, công tác chuyển đổi rất khó khăn vì các vị trí này khi nắm rõ địa bàn cũng như công việc thì lại phải chuyển đổi sang vị trí hoặc địa phương khác gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ và công tác quy hoạch của công chức, viên chức. Cũng như nếu chuyển đổi trong nội bộ cơ quan, đơn vị thì không có vị trí tương ứng và không có công chức, viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp để thay thế.

³ Theo Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương: Nhân viên lái xe: 100 triệu đồng/người/năm; nhân viên bảo vệ, tạp vụ 90 triệu đồng/người/năm. Bao gồm cả trả lương, các khoản theo lương và kinh phí hoạt động.

2. Kiến nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền giao tăng thêm biên chế cán bộ, công chức cho huyện Dầu Tiếng (Hiện nay huyện Dầu Tiếng được giao 86 biên chế cán bộ, công chức).

3. Đối với UBND huyện:

- Thường xuyên phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ; trong đó chú trọng các yêu cầu, nội dung, giải pháp về công tác cán bộ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh Bình Dương “về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, bảo đảm đánh giá đúng, khách quan, công bằng, công khai về kết quả thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Từng bước hoàn thiện việc bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng Đề án và lộ trình đề ra. Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng để cán bộ, công chức, viên chức có thể phấn đấu và phát triển bản thân.

- Tiếp tục thực hiện Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện; cải tiến phương pháp làm việc, tập trung chấn chỉnh hơn nữa các kỷ cương, kỷ luật, tác phong, giờ giấc làm việc.

- Tiếp tục sử dụng các kênh truyền thông hiện đại để thông báo về các vị trí tuyển dụng, giúp tiếp cận nhiều ứng viên chất lượng hơn. Kịp thời tuyển dụng một số chức danh công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu.

- Thường xuyên cử cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp nâng cao lý luận chính trị gắn với công tác quy hoạch, kế hoạch đề ra, nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi hoạt động; bám sát nhiệm vụ chuyên môn trong hoạt động hành chính nhà nước. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua việc đưa cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; đi tập huấn. Khuyến khích việc tự học, tự rèn, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021) nhưng phải đảm bảo hài hòa quyền lợi, nguyện vọng chính đáng của công chức, viên chức phải chuyển đổi.

- Tiếp tục quan tâm công tác bầu, tuyển dụng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố có trình độ, khả năng

ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng được các yêu cầu công việc và chế độ được hưởng.

- Nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục cải thiện công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hiệu quả hơn.

- Quản lý, khai thác tốt các di tích trên địa bàn huyện. Cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Quản lý di tích huyện.

Trên đây là Báo cáo của Đoàn giám sát HĐND huyện về kết quả giám sát công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy biên chế, tuyển dụng và quản lý sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng./. *M*

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Nội vụ tỉnh BD;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Thành viên Đoàn Giám sát;
- Các ĐB HĐND huyện;
- Phòng NV, GD&ĐT;
- TTVHTT&TT huyện, TTDVNN huyện;
- BQLĐT huyện;
- BQDLA&TXD, TTPTQĐ huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV (Q, Tuấn, C);
- K09.01 – Liên thông;
- Lưu: VT, pdf.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



**CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Nguyễn Công Danh**



PHỤ LỤC 1

Căn cứ pháp lý áp dụng để tuyển dụng, giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng

(Kèm theo Báo cáo số 199 /BC-ĐGS ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Đoàn giám sát HĐND huyện)

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về việc quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân; Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về việc quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
- Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;
- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định



số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

- Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 12/2/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Chương trình số 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương về việc tiếp tục sắp xếp bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các chế độ, chính sách trong thời gian tới;

- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động; mức khoán kinh phí, hỗ trợ hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở cấp xã và ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Công văn số 320/SNV-CCVC ngày 05/02/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện tiếp nhận vào công chức, viên chức;

- Công văn số 332/SNV-CCVC ngày 09/02/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện tiếp nhận, điều động, chuyển công tác cán bộ, công chức, viên chức;

- Công văn số 05/SNV-CCVC ngày 03/01/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương...

- Hướng dẫn số 953/SNV-CCVC ngày 07/6/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế;
- Công văn số 1485/SNV-CCVC ngày 11/10/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc xác định tuổi để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;
- Công văn số 1943/SNV-CCVC ngày 01/11/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn một số nội dung chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.
- Công văn số 59/SNV-TCBC ngày 12/01/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc thông báo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp và các Hội năm 2021;
- Công văn số 79/SNV-TCBC ngày 12/01/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc thông báo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp và các Hội năm 2022;
- Công văn số 55/SNV-TCBC ngày 30/12/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc thông báo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp và các Hội năm 2023...



PHỤ LỤC 2

Quyết định giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng (Cấp huyện)

(Kèm theo Báo cáo số: 199/BC-ĐGS ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Đoàn giám sát HĐND huyện)

Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Kinh tế huyện.

Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện.

Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Tư pháp huyện.

Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Y tế huyện.

Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Văn hóa – Thông tin huyện.

Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng lao động-Thương binh và Xã hội huyện.

Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Tổ quản trang thuộc Phòng lao động-Thương binh và Xã hội huyện.

Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Hội chữ thập đỏ huyện.

Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Hội Người mù huyện

Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện.

Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện.

Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.



Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Thanh tra huyện.

Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Quản lý đô thị huyện.

Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Văn phòng HĐND-UBND huyện.

Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Phòng Nội vụ huyện.

Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2021 cho Kho Lưu trữ thuộc Phòng Nội vụ huyện.

- Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2022 đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.

- Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế năm 2023 đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.



PHỤ LỤC 3

Tình hình quản lý, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Dầu Tiếng
(Kèm theo Báo cáo số 149/BC-ĐGS ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Đoàn giám sát HĐND huyện)

| ST T | Tên cơ quan, đơn vị | Năm 2021 | | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
|------------|--|------------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------|
| | | Biên chế giao | Biên chế có mặt | Biên chế giao | Biên chế có mặt | Biên chế giao | Biên chế có mặt |
| <u>1</u> | <u>2</u> | <u>3</u> | <u>4</u> | <u>5</u> | <u>6</u> | <u>7</u> | <u>8</u> |
| I | CƠ QUAN HÀNH CHÍNH | 86 | 80 | 86 | 86 | 86 | 84 |
| 1 | VP. HĐND - UBND | 20 | 19 | 19 | 19 | 19 | 19 |
| 2 | Phòng Nội vụ | 7 | 5 | 6 | 6 | 6 | 5 |
| 3 | Phòng LĐTB & XH | 7 | 6 | 7 | 7 | 7 | 7 |
| 4 | Phòng TC - KH | 8 | 8 | 8 | 8 | 9 | 8 |
| 5 | Phòng GD & ĐT | 9 | 9 | 9 | 9 | 8 | 8 |
| 6 | Phòng VH TT | 5 | 4 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 7 | Phòng Y tế | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 8 | Phòng TN & MT | 7 | 7 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | Phòng Tư Pháp | 3 | 3 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 10 | Phòng Kinh tế | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |
| 11 | Phòng QLĐT | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| 12 | Thanh Tra | 4 | 3 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| II | * ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP | 43 | 41 | 43 | 36 | 43 | 40 |
| 1 | Trung tâm VH TT và truyền thanh | 17 | 17 | 17 | 14 | 17 | 15 |
| 2 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên | 26 | 24 | 26 | 22 | 26 | 25 |
| III | ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC | 16 | 15 | 44 | 14 | 44 | 39 |
| 4 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp | 11 | 10 | 25 | 9 | 22 | 20 |
| 5 | Trung tâm phục vụ Hành chính công | | | | | 5 | 5 |
| 6 | Kho Lưu trữ huyện | 3 | 3 | 16 | 3 | 13 | 10 |
| 7 | Nhân viên Quản trang | 2 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 |
| 8 | Nhà Thiếu nhi | | | | | 1 | 1 |
| IV | HỘI | 4 | 3 | 4 | 3 | 4 | 4 |
| 1 | Hội Người mù | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Hội Chữ thập đỏ | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 |
| V | ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TỰ CHỦ | 14 | 14 | 22 | 20 | 22 | 20 |
| 1 | Trung tâm phát triển quỹ đất | 6 | 6 | 6 | 5 | 6 | 5 |



| | | | | | | | |
|----|-----------------------------------|------|------|------|------|------|------|
| 2 | Ban Quản lý di tích | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 3 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 2 | 2 | 9 | 8 | 9 | 8 |
| 4 | Xi nghiệp công trình công cộng | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| VI | ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC | 1460 | 1297 | 1479 | 1244 | 1469 | 1239 |
| 1 | Mầm non 13/3 | 44 | 37 | 44 | 36 | 44 | 36 |
| 2 | Mầm non Sơn Ca | 40 | 37 | 40 | 36 | 40 | 37 |
| 3 | Mầm non Minh Thạnh | 32 | 29 | 32 | 27 | 32 | 27 |
| 4 | Mầm non Hoa mai | 39 | 33 | 39 | 31 | 39 | 32 |
| 5 | Mầm non Minh Tân | 15 | 15 | 15 | 14 | 15 | 28 |
| 6 | Mầm non Hương Dương | 17 | 17 | 17 | 16 | 17 | |
| 7 | Mầm non Định An | 24 | 16 | 24 | 18 | 24 | 24 |
| 8 | Mầm non Tuổi Thơ | 14 | 12 | 14 | 9 | 14 | |
| 9 | Mầm non Định Thành | 15 | 11 | 15 | 11 | 15 | 11 |
| 10 | Mầm non Định Hiệp | 26 | 24 | 26 | 24 | 26 | 22 |
| 11 | Mầm non Hòa Mi | 61 | 46 | 61 | 34 | 51 | 30 |
| 12 | Mầm non Long Tân | 33 | 23 | 33 | 18 | 33 | 17 |
| 13 | Mầm non An Lập | 24 | 20 | 31 | 16 | 31 | 19 |
| 14 | Mầm non Thanh An | 28 | 23 | 28 | 23 | 28 | 24 |
| 15 | Mầm non Thanh Tân | 15 | 13 | 15 | 13 | 15 | 13 |
| 16 | Mầm non Bến Súc | 32 | 26 | 32 | 25 | 32 | 25 |
| 17 | Mầm non Thanh Tuyên | 18 | 18 | 18 | 16 | 18 | 14 |
| 18 | Tiểu học Minh Thạnh | 48 | 48 | 48 | 41 | 48 | 42 |
| 19 | Tiểu học Minh Hòa | 40 | 40 | 40 | 37 | 40 | 39 |
| 20 | Tiểu học Hòa Lộc | 20 | 17 | 20 | 16 | 20 | 16 |
| 21 | Tiểu học Minh Tân | 40 | 37 | 40 | 37 | 40 | 33 |
| 22 | Tiểu học Định An | 33 | 27 | 30 | 26 | 30 | 27 |
| 23 | Tiểu học Định Thành | 17 | 15 | 17 | 14 | 17 | 13 |
| 24 | Tiểu học Dầu tiếng | 59 | 57 | 59 | 57 | 59 | 58 |
| 25 | Tiểu học Ngô Quyền | 57 | 53 | 57 | 52 | 57 | 55 |
| 26 | Tiểu học Định Hiệp | 32 | 30 | 32 | 29 | 32 | 30 |
| 27 | Tiểu học Định Phước | 17 | 13 | 17 | 13 | 17 | 14 |
| 28 | Tiểu học Long Hòa | 57 | 54 | 57 | 51 | 57 | 51 |
| 29 | Tiểu học Long Tân-THCS | 38 | 30 | 49 | 31 | 49 | 39 |
| 30 | Tiểu học An Lập | 38 | 35 | 36 | 35 | 36 | 33 |
| 31 | Tiểu học Thanh An | 29 | 28 | 29 | 26 | 29 | 26 |
| 32 | Tiểu học Thanh Tân | 24 | 20 | 24 | 21 | 24 | 20 |
| 33 | Tiểu học Bến Súc | 55 | 50 | 55 | 50 | 55 | 51 |
| 34 | Tiểu học Thanh Tuyên | 34 | 27 | 34 | 27 | 34 | 27 |
| 35 | THCS Minh Thạnh | 37 | 33 | 37 | 31 | 37 | 31 |
| 36 | THCS Minh Tân | 37 | 31 | 39 | 31 | 39 | 31 |
| 37 | THCS Định An | 29 | 25 | 29 | 25 | 29 | 26 |
| 38 | THCS Định Hiệp | 29 | 28 | 29 | 27 | 29 | 28 |
| 39 | THCS Long Hòa | 54 | 49 | 54 | 48 | 54 | 44 |
| 40 | THCS An Lập | 26 | 22 | 26 | 23 | 26 | 22 |
| 41 | THCS Thanh An | 38 | 36 | 38 | 36 | 38 | 35 |
| 42 | THCS Nguyễn Bình Khiêm | 95 | 92 | 99 | 93 | 99 | 89 |



PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Báo cáo số 199 /BC-ĐGS ngày 03 tháng 12 năm 2024
của Đoàn giám sát HĐND huyện)

Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã
năm tính đến 31/12/2021: Tổng số CBCC: 235, NHĐKCT: 161.

| STT | Xã, thị trấn | Số lượng CBCC | | | Số lượng Người hoạt động không chuyên trách |
|-------------|--------------------|-----------------|------------|------------|---|
| | | Tổng số CBCC | Cán bộ | Công chức | |
| 1 | 2 | 3 = 4+5 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Thị trấn Dầu Tiếng | 21 | 10 | 11 | 12 |
| 2 | Xã Thanh Tuyền | 19 | 10 | 9 | 14 |
| 3 | Xã Thanh An | 20 | 11 | 9 | 14 |
| 4 | Xã An Lập | 21 | 11 | 10 | 13 |
| 5 | Xã Định An | 19 | 10 | 9 | 14 |
| 6 | Xã Định Thành | 19 | 10 | 9 | 12 |
| 7 | Xã Định Hiệp | 17 | 10 | 7 | 13 |
| 8 | Xã Long Tân | 16 | 10 | 6 | 14 |
| 9 | Xã Long Hòa | 22 | 11 | 11 | 13 |
| 10 | Xã Minh Hòa | 20 | 10 | 10 | 14 |
| 11 | Xã Minh Tân | 20 | 11 | 9 | 14 |
| 12 | Xã Minh Thạnh | 21 | 11 | 10 | 14 |
| TỔNG | | 235 | 125 | 110 | 161 |

Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã
năm tính đến 31/12/2022: Tổng số CBCC: 251, NHĐKCT: 165

| Stt | Xã, thị trấn | Cán bộ, công chức | | | Người hoạt động không chuyên trách |
|-----|--------------------|-------------------|--------|--------------|--|
| | | Tổng số | Cán bộ | Công chức | |
| 1 | 2 | 3 = 4+5 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Thị trấn Dầu Tiếng | 21 | 11 | 10 | 12 |
| 2 | Xã Thanh Tuyền | 21 | 11 | 10 | 13 |
| 3 | Xã Thanh An | 21 | 11 | 10 | 14 |
| 4 | Xã An Lập | 20 | 11 | 9 | 13 |
| 5 | Xã Long Tân | 19 | 11 | 8 | 14 |
| 6 | Xã Long Hòa | 23 | 11 | 12 | 13 |
| 7 | Xã Định An | 21 | 10 | 11 | 14 |

| Stt | Xã, thị trấn | Cán bộ, công chức | | | Người hoạt động không chuyên trách |
|-------------|---------------|-------------------|-----------|------------|------------------------------------|
| | | Tổng số | Cán bộ | Công chức | |
| 8 | Xã Định Hiệp | 22 | 11 | 11 | 12 |
| 9 | Xã Định Thành | 21 | 11 | 10 | 10 |
| 10 | Xã Minh Hòa | 21 | 11 | 10 | 14 |
| 11 | Xã Minh Thạnh | 21 | 11 | 10 | 14 |
| 12 | Xã Minh Tân | 20 | 10 | 10 | 13 |
| TỔNG | | 251 | 13 | 121 | 156 |

Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tính đến 31/12/2023: Tổng số CBCC: 243, NHĐKCT: 154

| Stt | Xã, thị trấn | Cán bộ, công chức | | | Người hoạt động không chuyên trách |
|-------------|--------------------|-------------------|------------|------------|------------------------------------|
| | | Tổng số | Cán bộ | Công chức | |
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3 = 4+5</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| 1 | Thị trấn Dầu Tiếng | 20 | 11 | 9 | 11 |
| 2 | Xã Thanh Tuyên | 22 | 12 | 10 | 13 |
| 3 | Xã Thanh An | 20 | 10 | 10 | 14 |
| 4 | Xã An Lập | 20 | 11 | 9 | 13 |
| 5 | Xã Long Tân | 19 | 10 | 9 | 13 |
| 6 | Xã Long Hòa | 21 | 11 | 10 | 14 |
| 7 | Xã Định An | 21 | 10 | 11 | 13 |
| 8 | Xã Định Hiệp | 21 | 11 | 10 | 11 |
| 9 | Xã Định Thành | 19 | 10 | 9 | 11 |
| 10 | Xã Minh Hòa | 20 | 10 | 10 | 14 |
| 11 | Xã Minh Thạnh | 21 | 11 | 10 | 14 |
| 12 | Xã Minh Tân | 19 | 10 | 9 | 13 |
| TỔNG | | 243 | 127 | 116 | 154 |

PHỤ LỤC 5**Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 199/BC-ĐGS ngày 03 tháng 12 năm 2024
của Đoàn giám sát HĐND huyện)

| Năm 2021 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ |
|---|------------------------------------|----------------------------|------------------------|---------------------------------|
| Cán bộ trong các cơ quan hành chính từ cấp huyện | 7 | 0 | 0 | 0 |
| Công chức trong các cơ quan hành chính từ cấp huyện | 49 | 22 | 2 | 2 |
| Cán bộ, công chức cấp xã | 208 | 34 | 3 | 1 |
| Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện | 41 | 31 | 7 | 0 |

| Năm 2022 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ |
|--|------------------------------------|----------------------------|------------------------|---------------------------------|
| Cán bộ trong các cơ quan hành chính từ cấp huyện | 7 | 0 | 0 | 0 |
| Công chức trong các cơ quan hành chính từ cấp huyện | 61 | 15 | 0 | 0 |
| Cán bộ, công chức cấp xã | 211 | 34 | 7 | 0 |
| Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND | 47 | 25 | 5 | 0 |



| | | | | |
|-----------|--|--|--|--|
| cấp huyện | | | | |
|-----------|--|--|--|--|

| Năm 2023 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành nhiệm vụ | Không hoàn thành nhiệm vụ |
|---|------------------------------------|----------------------------|------------------------|---------------------------------|
| Cán bộ trong các cơ quan hành chính từ cấp huyện | 7 | 0 | 0 | 0 |
| Công chức trong các cơ quan hành chính từ cấp huyện | 17 | 61 | 0 | 0 |
| Cán bộ, công chức cấp xã | 48 | 194 | 0 | 0 |
| Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện | 17 | 78 | 3 | 0 |



PHỤ LỤC 6
Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
giai đoạn 2021 – 2023
(Kèm theo Báo cáo số: 199 /BC-ĐGS ngày 03 tháng 12 năm 2024
của Đoàn giám sát HĐND huyện)

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2021:

- * Về Lý luận chính trị: 12 trường hợp, gồm:
 - Cao cấp: 03 trường hợp.
 - Trung cấp: 09 trường hợp.
- * Về Quản lý Nhà nước: 44 trường hợp, gồm:
 - Chuyên viên chính: 05 trường hợp.
 - Chuyên viên: 39 trường hợp.
- * Về chức danh nghề nghiệp: 120 trường hợp, gồm:
 - Hạng II: 77 trường hợp.
 - Hạng III: 43 trường hợp.
- * Về Chuyên môn: 20 trường hợp, gồm:
 - Đại học: 15 trường hợp.
 - Cao đẳng: 05 trường hợp.
- * Về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; kỹ năng lãnh đạo, quản lý; quốc phòng – an ninh; tin học: 267 trường hợp, gồm:
 - Kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: Vị trí việc làm: 129 trường hợp.
 - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý: 09 trường hợp.
 - Quốc phòng – An ninh: 114 trường hợp.
 - Tin học: 15 trường hợp.

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2022:

- * Về Chuyên môn: 29 trường hợp, gồm:
 - Đại học: 29 trường hợp.
- * Về Lý luận chính trị: 50 trường hợp, gồm:
 - Cao cấp: 02 trường hợp.
 - Trung cấp: 48 trường hợp.
- * Về Kiến thức quốc phòng và an ninh: 62 trường hợp
- * Về Quản lý Nhà nước: 63 trường hợp, gồm:
 - Chuyên viên chính: 03 trường hợp.
 - Chuyên viên: 60 trường hợp.



